



# BỘ TƯ PHÁP VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT



- **TIÊU CHÍ 5 VỀ TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH;**
- **BẢO ĐẢM AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI** ●

**Mục đích:** Đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội theo quy định pháp luật.

**Số điểm tối đa của tiêu chí:  
25 điểm**

**Tiêu chí 5**

**Các chỉ tiêu: Tiêu chí này có  
4 chỉ tiêu**

**Cách chấm điểm chỉ tiêu 1 về tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo: 07 điểm**

**Nội dung 1:** Tổ chức tiếp công dân: 03 điểm.

**Nội dung 2:** Tiếp nhận, giải quyết, kiến nghị, phản ánh: 02 điểm *(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)*

**Nội dung 3:** Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo: 02 điểm

**Tài liệu đánh giá:** Hình ảnh về địa điểm tiếp công dân; nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân; Quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; Sổ tiếp công dân hoặc thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân hoặc thông tin trên phần mềm quản lý tiếp công dân; văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo; Báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

**Cách chấm điểm chỉ tiêu 2 về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính: 07 điểm**

- **Cách xác định tỷ lệ %:** Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận x 100.
- **Cách chấm điểm:** Đạt 100% được 07 điểm; từ 95% đến dưới 100% được 6 điểm; từ 90% đến dưới 95% được 05 điểm; từ 85% đến dưới 90% được 4 điểm; từ 80% đến dưới 85% được 3 điểm; từ 75% đến dưới 80% được 2 điểm; từ 70% đến dưới 75% được 1 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0,25 điểm; dưới 50% được 0 điểm.

**Tài liệu đánh giá:** Sổ theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc số liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với những xã, phường, thị trấn đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).

**Cách chấm điểm chỉ tiêu 3 về không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự: 05 điểm**

Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự: 05 điểm; có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự: 0 điểm.

**Tài liệu đánh giá:** Quyết định kỷ luật hành chính cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật; Quyết định khởi tố bị can đối với cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.

**Cách chấm điểm chỉ tiêu 4 về đạt tiêu chuẩn về an ninh, trật tự theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội: 06 điểm**

- Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” được 06 điểm.

*Lưu ý: Những tiêu chí về tiêu chuẩn An toàn về an ninh, trật tự cần theo quy định của Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”*

- Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”: 0 điểm.

**Tài liệu đánh giá:** Văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

